



THÀNH ỦY HÀ NỘI

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 1879-QĐ/TU

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Khung năng lực số của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 15/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy khóa XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030;
- Căn cứ Quy định số 05-QĐ/TU ngày 05/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;
- Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-BKHCN ngày 29/4/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản và hướng dẫn đánh giá, xác nhận hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số;
- Căn cứ Kế hoạch hành động số 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026;
- Căn cứ Văn bản số 601-CV/TU ngày 28/4/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về ban hành và tổ chức triển khai khung năng lực số của Bí thư, Chủ tịch các xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Xét đề nghị của Đảng ủy UBND Thành phố tại Tờ trình số 402-TTr/ĐU ngày 10/4/2026 và đề nghị của Văn phòng Thành ủy - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy,

BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY HÀ NỘI
QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Khung năng lực số

1. Ban hành kèm theo Quyết định này Khung năng lực số của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Khung năng lực số).

2. Khung năng lực số là căn cứ để xác định yêu cầu năng lực số, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tự đánh giá, đánh giá và quản lý hồ sơ năng lực số của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị Thành phố; làm cơ sở chuẩn hóa, nâng cao mức độ sẵn sàng chuyển đổi số của nguồn nhân lực Thành phố theo quy định.

3. Việc áp dụng Khung năng lực số phải bảo đảm thực chất, đo được, có sản phẩm, có dữ liệu kiểm chứng; chuyển trọng tâm từ “biết sử dụng công cụ số” sang “vận dụng công nghệ số, dữ liệu số, AI (trí tuệ nhân tạo) và nền tảng số để nâng cao chất lượng tham mưu, điều hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp và kiểm soát tiến độ thực thi nhiệm vụ”.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về cấu trúc Khung năng lực số, nhóm đối tượng áp dụng, mức độ thành thạo, chuẩn đầu ra, phương thức đánh giá, lộ trình triển khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng gồm đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng chuyên môn, lực lượng hỗ trợ, cộng tác viên đang làm việc tại các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành phố Hà Nội; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai Khung năng lực số.

3. Trường hợp viên chức ngành y tế, giáo dục và các ngành, lĩnh vực đã có khung năng lực, tiêu chuẩn nghề nghiệp hoặc quy định chuyên ngành riêng thì thực hiện theo quy định chuyên ngành; đồng thời tham khảo, vận dụng Khung năng lực số ban hành kèm theo Quyết định này để bảo đảm thống nhất yêu cầu chuyển đổi số của Thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng Khung năng lực số

1. Bảo đảm thống nhất trong toàn hệ thống chính trị Thành phố; phù hợp với yêu cầu của Nghị quyết số 57-NQ/TW, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, yêu cầu xây dựng chính quyền số, xã hội số, kinh tế số và đô thị thông minh của Thủ đô.

2. Phân theo nhóm chức danh, vị trí việc làm, chức trách, nhiệm vụ, mức độ trách nhiệm và vai trò lãnh đạo, quản trị số; không đánh đồng yêu cầu giữa cán bộ lãnh đạo, quản lý với công chức, viên chức, lao động hợp đồng chuyên môn và lực lượng hỗ trợ.

3. Đánh giá theo phương châm “học thật, làm thật, đo thật, dùng thật, hiệu quả thật”; kết hợp kiểm tra kiến thức, bài thực hành, dữ liệu sử dụng hệ thống, sản phẩm công việc và kết quả cải thiện hiệu suất công việc.

4. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước, dữ liệu cá nhân, dữ liệu nhạy cảm; sử dụng AI có trách nhiệm, đúng thẩm quyền, con người chịu trách nhiệm cuối cùng đối với sản phẩm tham mưu và quyết định quản lý.

5. Tổ chức thực hiện theo phương châm “6 rõ - 1 xuyên suốt”: rõ việc, rõ người, rõ thẩm quyền và trách nhiệm, rõ quy trình, rõ thời gian, rõ sản phẩm; một việc một đầu mỗi xuyên suốt.

Điều 4. Nhóm đối tượng và mức chuẩn tối thiểu

1. Đối tượng áp dụng Khung năng lực số thực hiện theo khoản 2 Điều 2 Quyết định này và được phân theo 04 nhóm đối tượng như sau: (i) cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan cấp Thành phố; (ii) Bí thư Đảng ủy các xã, phường; Chủ tịch HĐND các xã, phường; Chủ tịch UBND các xã, phường; Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường; lãnh đạo chủ chốt xã, phường; (iii) công chức, viên chức, lao động hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ; (iv) lực lượng hỗ trợ, cộng tác viên trong hệ thống chính trị.

2. Mức độ thành thạo được xác định theo 04 mức: Mức 1 - Nhận biết; Mức 2 - Sử dụng cơ bản; Mức 3 - Điều hành, sử dụng thành thạo và cải tiến công việc; Mức 4 - Dẫn dắt, thiết kế, quản trị và đổi mới quy trình số.

3. Đối với Bí thư Đảng ủy các xã, phường; Chủ tịch HĐND các xã, phường; Chủ tịch UBND các xã, phường; Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường đã có Khung năng lực số ban hành tại Công văn số 601-CV/TU ngày 28/4/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy thì tiếp tục thực hiện theo danh mục năng lực đã ban hành; đồng thời áp dụng mức độ thành thạo, phương thức đánh giá và lộ trình triển khai quy định tại Quyết định này để bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện.

4. Mức chuẩn tối thiểu đối với từng nhóm đối tượng được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; trường hợp vị trí việc làm có yêu cầu cao hơn thì cơ quan có thẩm quyền quy định mức chuẩn cao hơn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

Điều 5. Đánh giá và cập nhật kết quả năng lực số

1. Việc đánh giá năng lực số được thực hiện thông qua bài kiểm tra, bộ câu hỏi, tình huống thực hành, dữ liệu sử dụng hệ thống và sản phẩm công việc trên các nền tảng số, phù hợp với từng nhóm đối tượng xác định tại văn bản này.

2. Kết quả đánh giá năng lực số được phân loại theo 04 mức độ; được cập nhật, quản lý trong hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng và các hệ thống, dashboard (bảng điều khiển dữ liệu) quản trị nhân sự, chuyển đổi số của Thành phố theo thẩm quyền, phân cấp quản lý và quy định hiện hành.

3. Người chưa đạt chuẩn năng lực số theo yêu cầu vị trí việc làm phải có kế hoạch bồi dưỡng bổ sung, tái đánh giá trong thời hạn phù hợp. Người đạt chuẩn ở mức cao hoặc có sản phẩm cải tiến quy trình, ứng dụng dữ liệu, AI, tự động hóa hiệu quả được ưu tiên tham gia các nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa bàn.

4. Kết quả đánh giá năng lực số là một căn cứ thực tế phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định; đồng thời là cơ sở kiểm tra trách nhiệm của người

đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai chuyển đổi số. Việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực số không thay thế các tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình về công tác cán bộ theo quy định của Trung ương và Thành ủy.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Đảng ủy UBND Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo UBND Thành phố tổ chức triển khai Khung năng lực số của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị Thành phố; chỉ đạo phân công Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tham mưu triển khai, chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng chương trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng, bài kiểm tra, bộ câu hỏi, tình huống thực hành; chuẩn bị nền tảng số thực hiện tập huấn, bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá; tham mưu tổ chức kiểm tra, đánh giá phù hợp với từng nhóm đối tượng; tham mưu cập nhật, điều chỉnh Khung năng lực số khi có thay đổi theo quy định hoặc yêu cầu mới (*chi tiết lộ trình triển khai tại Phụ lục kèm theo Quyết định này*).

2. Giao Ban Tổ chức Thành ủy chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan rà soát, nghiên cứu, tham mưu lồng ghép yêu cầu về năng lực số trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và xây dựng đề án vị trí việc làm đối với đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị thành phố Hà Nội, bảo đảm phù hợp thẩm quyền và quy định hiện hành.

3. Giao Văn phòng Thành ủy theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai Quyết định này; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy theo thẩm quyền; kịp thời tham mưu tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền.

4. Giao Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố, Đảng ủy HĐND Thành phố, Đảng ủy UBND Thành phố, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các ban Đảng và Văn phòng Thành ủy, các Đảng ủy trực thuộc Thành ủy, Đảng ủy các xã, phường, các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành phố Hà Nội lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, triển khai Khung năng lực số đến các đối tượng thuộc phạm vi quản lý; phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đánh giá, tổng hợp nhu cầu bồi dưỡng, cập nhật kết quả đánh giá; chịu trách nhiệm về tỷ lệ cán bộ đạt chuẩn, mức độ sử dụng nền tảng số và hiệu quả chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa bàn.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện Quyết định này, kịp thời báo cáo kết quả triển khai (bao gồm khó khăn, vướng mắc nếu có) về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, xử lý theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy, Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy thông qua Văn phòng Thành ủy để xem xét, chỉ đạo theo thẩm quyền.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định; việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh trùng lặp, hình thức.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Đảng ủy các cơ quan Đảng Thành phố; Đảng ủy UBND Thành phố; Đảng ủy HĐND Thành phố, Đảng ủy MTTQ Việt Nam Thành phố; các đảng ủy trực thuộc Thành ủy; Đảng ủy các xã, phường; các ban Đảng và Văn phòng Thành ủy; các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Các đồng chí TTTU (để báo cáo),
- Các thành viên BCD 57 Thành ủy,
- Như điều 8,
- Lưu VPTU.



Nguyễn Văn Phong

PHỤ LỤC
KHUNG NĂNG LỰC SỐ CỦA ĐẢNG VIÊN, CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC,
NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số ~~1863~~ **1863** QĐ/TU ngày ~~18/5~~ **18/5**/2026 của Thành ủy Hà Nội)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ KHUNG NĂNG LỰC SỐ

1. Mục đích: Chuẩn hóa yêu cầu năng lực số đối với đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống chính trị Thành phố; làm căn cứ để đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bố trí, sử dụng và nâng cao hiệu quả thực thi nhiệm vụ trên môi trường số.

2. Yêu cầu: Khung năng lực số phải đo được, dùng được, cập nhật được, gắn với vị trí việc làm, nhóm chức danh, sản phẩm công việc, dữ liệu vận hành và kết quả chuyển đổi số thực chất của cơ quan, đơn vị, địa bàn.

3. Nguyên tắc thiết kế: lấy kết quả thực thi nhiệm vụ làm trung tâm; lấy dữ liệu, nền tảng số, AI và an toàn thông tin làm năng lực nền; lấy trách nhiệm người đứng đầu và năng lực lãnh đạo số làm yếu tố quyết định; lấy giảm thời gian, giảm giấy tờ, giảm chi phí, tăng minh bạch, tăng chất lượng phục vụ làm thước đo hiệu quả.

II. CẤU TRÚC KHUNG NĂNG LỰC SỐ

| STT | Nhóm năng lực | Nội dung cốt lõi | Đối tượng trọng tâm |
|-----|---|--|--|
| 1 | Nhận thức số và tư duy chuyển đổi số | Hiểu chủ trương, định hướng, công nghệ số, AI, dữ liệu số; nhận diện vai trò chuyển đổi số trong đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp. | Tất cả các nhóm đối tượng |
| 2 | Khai thác dữ liệu và thông tin | Tìm kiếm, lọc, kiểm chứng, quản lý, phân tích dữ liệu; sử dụng AI hỗ trợ tra cứu, tổng hợp, phân tích nhưng phải kiểm chứng bằng nguồn chính thống. | Tất cả các nhóm đối tượng; yêu cầu cao hơn với cán bộ tham mưu, tổng hợp, lãnh đạo |
| 3 | Giao tiếp, hợp tác và thực thi công vụ trên môi trường số | Sử dụng thư điện tử công vụ, nền tảng số, chữ ký số, danh tính số, dịch vụ công trực tuyến, quy tắc ứng xử trên môi trường số và phối hợp xử lý công việc trên các nền tảng số dùng chung. | Tất cả các nhóm đối tượng |
| 4 | Sáng tạo nội dung số và tự động hóa công việc | Soạn thảo, chỉnh sửa, trình bày, tái sử dụng nội dung số; sử dụng AI, quy trình công việc số, các công cụ tự động hóa để giảm thao tác lặp lại. | Công chức, viên chức chuyên môn; lãnh đạo, quản lý; văn phòng, tổng hợp |

| STT | Nhóm năng lực | Nội dung cốt lõi | Đối tượng trọng tâm |
|-----|--|---|---|
| 5 | An toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và sử dụng AI có trách nhiệm | Bảo vệ thiết bị, tài khoản, dữ liệu cá nhân, dữ liệu nội bộ, dữ liệu nhạy cảm, bí mật của Đảng, Nhà nước; nhận diện rủi ro AI, tin giả, giả mạo, rò rỉ dữ liệu. | Tất cả các nhóm đối tượng; yêu cầu bắt buộc |
| 6 | Giải quyết vấn đề và cải tiến quy trình bằng công nghệ số | Xác định nhu cầu, lựa chọn giải pháp công nghệ, xử lý sự cố cơ bản, đề xuất cải tiến quy trình, tái cấu trúc quy trình theo hướng số hóa, không giấy tờ. | Công chức, viên chức chuyên môn; lãnh đạo, quản lý |
| 7 | Khai thác hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung của Thành phố | Sử dụng, cập nhật, khai thác dữ liệu, báo cáo, dashboard; thực hiện phân quyền, bảo mật, liên thông, chia sẻ dữ liệu theo quy định. | Tất cả cán bộ, công chức, viên chức; đặc biệt cấp xã, phường |
| 8 | Lãnh đạo số và quản trị thay đổi | Đặt hàng bài toán số, quản trị dữ liệu, giám sát chuyển đổi số, ra quyết định dựa trên dashboard, tổ chức lại quy trình, kiểm soát rủi ro, dẫn dắt văn hóa số. | Cán bộ lãnh đạo, quản lý; người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa bàn |

III. MỨC ĐỘ THÀNH THẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

| Mức độ | Mô tả năng lực |
|---|--|
| Mức 1 - Nhận biết | Hiểu khái niệm, chủ trương, quy định, rủi ro và yêu cầu cơ bản; nhận diện được công cụ, nền tảng, dữ liệu, AI liên quan đến công việc. |
| Mức 2 - Sử dụng cơ bản | Sử dụng được công cụ, hệ thống, nền tảng số phổ biến để thực hiện nhiệm vụ được giao; tuân thủ quy định bảo mật, an toàn thông tin. |
| Mức 3 - Điều hành, sử dụng thành thạo và cải tiến công việc | Khai thác dữ liệu, dashboard, AI và công cụ số để phân tích, tổng hợp, báo cáo, phối hợp và cải tiến quy trình; tạo sản phẩm công việc số có giá trị. |
| Mức 4 - Dẫn dắt, thiết kế, quản trị và đổi mới quy trình số | Dẫn dắt chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa bàn; đặt hàng bài toán số; tổ chức lại quy trình; quản trị dữ liệu; ra quyết định dựa trên dữ liệu; kiểm soát rủi ro và chịu trách nhiệm kết quả. |

| STT | Nhóm đối tượng | Mức chuẩn tối thiểu |
|-----|--|---|
| 1 | Cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan Thành phố | Tối thiểu Mức 3; phần đầu Mức 4 đối với năng lực lãnh đạo số, quản trị dữ liệu, quản trị thay đổi |

| STT | Nhóm đối tượng | Mức chuẩn tối thiểu |
|-----|---|--|
| 2 | Bí thư, Chủ tịch, lãnh đạo chủ chốt xã, phường | |
| - | Bí thư Đảng ủy các xã, phường; Chủ tịch HĐND các xã, phường; Chủ tịch UBND các xã, phường; Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường | Tối thiểu Mức 3, từng bước đạt Mức 4 trong Khung năng lực số của Bí thư, chủ tịch xã, phường đã ban hành tại Công văn số 601-CV/TU ngày 28/4/2026. |
| - | Lãnh đạo chủ chốt xã, phường | Tối thiểu Mức 3; từng bước đạt Mức 4 đối với vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và quản trị địa bàn trên nền tảng số |
| 3 | Công chức, viên chức, lao động hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ | Tối thiểu Mức 2; phần đầu Mức 3 đối với vị trí tham mưu, tổng hợp, công nghệ thông tin/chuyển đổi số, cải cách hành chính |
| 4 | Lực lượng hỗ trợ, cộng tác viên | Tối thiểu Mức 1; vị trí có sử dụng hệ thống số phải đạt Mức 2 |

IV. KHUNG NĂNG LỰC CHI TIẾT

| Mã | Năng lực thành phần | Yêu cầu cần đạt | Mức áp dụng |
|-----|---|--|----------------------|
| 1.1 | Nhận thức về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo | Nắm vững chủ trương, định hướng, chiến lược, kế hoạch của Trung ương và Thành phố; hiểu chuyển đổi số là đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị, phục vụ chứ không chỉ là ứng dụng công nghệ. | M1-M4 theo chức danh |
| 1.2 | Nhận thức về công nghệ số, dữ liệu số, AI | Hiểu các công nghệ số phổ biến như cloud (điện toán đám mây), big data (dữ liệu lớn), AI (trí tuệ nhân tạo), IoT (Internet vạn vật); nhận diện cơ hội và rủi ro khi ứng dụng trong khu vực công. | M1-M3 |
| 2.1 | Tìm kiếm, lọc, khai thác thông tin | Sử dụng công cụ tìm kiếm, cơ sở dữ liệu, nền tảng dùng chung và AI để tra cứu, phân loại, tổng hợp thông tin chuyên ngành; biết xây dựng prompt (câu lệnh/yêu cầu đầu vào) phù hợp. | M2-M3 |
| 2.2 | Kiểm chứng, xác thực dữ liệu, thông tin | Đánh giá độ tin cậy nguồn tin; nhận diện thông tin sai lệch, giả mạo, bịa đặt nguồn do AI tạo ra; đối chiếu với nguồn chính thống trước khi tham mưu, sử dụng. | M2-M3 |
| 2.3 | Quản lý, lưu trữ, phân tích dữ liệu công việc | Tổ chức dữ liệu đúng cấu trúc, dễ truy xuất, đúng phân quyền; sử dụng bảng tính, hệ thống quản lý tài liệu, công cụ phân tích dữ liệu phục vụ quyết định. | M2-M4 |
| 3.1 | Giao tiếp và phối hợp trên môi trường số | Sử dụng email công vụ, nền tảng họp trực tuyến, nền tảng giao việc, chia sẻ tài liệu, cộng tác trực tuyến; lựa chọn kênh phù hợp đối tượng, tính chất công việc. | M2-M3 |

| Mã | Năng lực thành phần | Yêu cầu cần đạt | Mức áp dụng |
|-----|---|---|-------------|
| 3.2 | Danh tính số, chữ ký số, tài khoản công vụ | Sử dụng đúng tài khoản công vụ, chữ ký số, định danh điện tử, phân quyền truy cập; bảo vệ thiết bị chứa chữ ký số, email công vụ và thông tin đăng nhập. | M2 bắt buộc |
| 3.3 | Quy tắc ứng xử số, phục vụ người dân, doanh nghiệp | Tuân thủ chuẩn mực giao tiếp trên môi trường số; tiếp nhận, xử lý, phản hồi phản ánh kiến nghị, dịch vụ công trực tuyến văn minh, đúng hạn, đúng quy định. | M2-M3 |
| 4.1 | Soạn thảo, tái tạo, tích hợp nội dung số | Sử dụng công cụ văn phòng, AI, công cụ trình bày để soạn thảo, chỉnh sửa, tóm tắt, trực quan hóa nội dung công vụ; kiểm soát chất lượng trước khi sử dụng. | M2-M3 |
| 4.2 | Tự động hóa tác vụ và tối ưu hóa quy trình | Nhận diện tác vụ lặp lại; sử dụng workflow, macro, biểu mẫu điện tử, AI hoặc công cụ tự động hóa đơn giản để giảm thao tác thủ công. | M3-M4 |
| 5.1 | Bảo vệ thiết bị, tài khoản, hệ thống | Thiết lập mật khẩu mạnh, xác thực đa yếu tố, khóa màn hình, cập nhật phần mềm, phòng chống mã độc, bảo quản thiết bị và báo cáo sự cố kịp thời. | M2 bắt buộc |
| 5.2 | Bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu nội bộ, bí mật nhà nước | Không chia sẻ dữ liệu nhạy cảm, tài liệu mật, tài liệu nội bộ chưa được phép công khai lên nền tảng không được phép; tuân thủ phân quyền, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu. | M2 bắt buộc |
| 5.3 | Sử dụng AI có trách nhiệm | AI chỉ là công cụ hỗ trợ; con người chịu trách nhiệm cuối cùng; phải kiểm chứng kết quả AI; nhận diện thiên kiến, sai lệch, giả mạo, rò rỉ dữ liệu. | M2-M4 |
| 6.1 | Xác định nhu cầu, lựa chọn giải pháp công nghệ | Phân tích nhu cầu công việc, lựa chọn công cụ phù hợp, xác định rủi ro, chi phí, hiệu quả; biết khi nào cần hỗ trợ chuyên môn. | M2-M3 |
| 6.2 | Cải tiến, tái cấu trúc quy trình số | Đề xuất số hóa/tái cấu trúc quy trình theo hướng đơn giản hóa, giảm tầng nấc, giảm giấy tờ, tăng minh bạch, tăng khả năng theo dõi tiến độ. | M3-M4 |
| 7.1 | Sử dụng hệ thống thông tin, nền tảng dùng chung | Sử dụng đầy đủ chức năng phục vụ công việc trên máy tính và thiết bị di động; cập nhật tiến độ, xử lý nhiệm vụ, phối hợp trên hệ thống đúng thời gian. | M2-M3 |
| 7.2 | Khai thác dashboard, báo cáo, dữ liệu điều hành | Theo dõi dashboard, tạo báo cáo, phân tích dữ liệu cơ bản để đánh giá tiến độ, phát hiện điểm nghẽn, hỗ trợ quyết định quản lý. | M2-M4 |
| 7.3 | Tuân thủ liên thông, chia sẻ dữ liệu | Thực hiện đúng quy định về phân quyền, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống; cập nhật dữ liệu đúng - đủ - sạch - sống. | M2-M3 |

| Mã | Năng lực thành phần | Yêu cầu cần đạt | Mức áp dụng |
|-----|--|---|---------------------------|
| 8.1 | Lãnh đạo chuyển đổi số và quản trị thay đổi | Xác định bài toán ưu tiên, đặt hàng giải pháp số, phân công trách nhiệm, kiểm soát tiến độ, truyền thông thay đổi, tạo động lực và kỷ luật sử dụng nền tảng số. | M3-M4 |
| 8.2 | Ra quyết định dựa trên dữ liệu và chịu trách nhiệm kết quả | Sử dụng dashboard, dữ liệu vận hành, phản hồi người dân, doanh nghiệp để chỉ đạo điều hành; chịu trách nhiệm về kết quả chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa bàn. | M4 đối với người đứng đầu |

V. CHỈ SỐ THEO DÕI TRIỂN KHAI KHUNG NĂNG LỰC SỐ

| STT | Chỉ số theo dõi | Ý nghĩa |
|-----|--|---|
| 1 | Tỷ lệ đối tượng thuộc phạm vi áp dụng được đánh giá năng lực số lần đầu trong năm 2026. | Đo mức độ bao phủ đánh giá. |
| 2 | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt chuẩn tối thiểu theo nhóm chức danh, vị trí việc làm. | Đo kết quả chuẩn hóa năng lực số. |
| 3 | Tỷ lệ người chưa đạt chuẩn có kế hoạch bồi dưỡng cá nhân và được tái đánh giá. | Đo tính khắc phục, không để đánh giá hình thức. |
| 4 | Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi trên nền tảng số dùng chung. | Đo mức độ chuyển từ xử lý thủ công sang xử lý số. |
| 5 | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trên môi trường điện tử và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc | Đo mức độ tuân thủ công vụ số. |
| 6 | Tỷ lệ báo cáo định kỳ, đột xuất (trừ báo cáo có yếu tố mật) thực hiện trên một hệ thống thông tin báo cáo hoặc hệ thống dùng chung của Thành phố | Đo hiệu quả giảm thời gian. |
| 7 | Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp, tổ chức, cán bộ trong quá trình sử dụng dịch vụ và nền tảng số. | Đo tác động cuối cùng của năng lực số đến chất lượng phục vụ. |

VI. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI NĂM 2026 VÀ TỪ NĂM 2027

| Thời gian | Nhiệm vụ | Nội dung chính | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm |
|--------------|--------------------------------------|---|--------------------------|--|---|
| Quý III/2026 | Xây dựng tài liệu, đánh giá thí điểm | - Xây dựng chương trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng, bài kiểm tra, bộ câu hỏi, tình huống thực hành; - Chuẩn bị nền tảng số phục vụ tập huấn, bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá; | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Thành ủy, Văn phòng Thành ủy, các cơ quan, đơn vị liên quan | - Nội dung chương trình, học liệu số; bộ ngân hàng câu hỏi; - Nền tảng số. |

| Thời gian | Nhiệm vụ | Nội dung chính | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Sản phẩm |
|-------------|--|--|---------------------------------|---|---|
| | | - Tổ chức đánh giá thí điểm đối với Bí thư, Chủ tịch xã, phường. | | | |
| Quý IV/2026 | Tiếp tục hoàn thiện công cụ và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn | - Hoàn thiện chương trình, tài liệu tập huấn, bồi dưỡng, bài kiểm tra, bộ câu hỏi, tình huống thực hành; - Hoàn thiện nền tảng số phục vụ tập huấn, bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá và dashboard theo dõi kết quả; - Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn theo Khung năng lực số trên nền tảng số cho tối thiểu 20% CBCCVC Thành phố. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Thành ủy, Văn phòng Thành ủy, các cơ quan, đơn vị liên quan. | - Nội dung chương trình, học liệu số; bộ ngân hàng câu hỏi hoàn thiện; - Nền tảng số hoàn thiện; - Các lớp bồi dưỡng, tập huấn; - Báo cáo kết quả triển khai năm 2026. |
| | | Cập nhật năng lực số vào hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức | Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật nội dung về năng lực số. |
| Năm 2027 | Tiếp tục tổ chức bồi dưỡng và đánh giá | - Tiếp tục tổ chức bồi dưỡng và đánh giá năng lực số cho các cơ quan, đơn vị còn lại trong hệ thống chính trị. - Tập huấn, bồi dưỡng, đánh giá khi thay đổi vị trí việc làm, chức danh, nhiệm vụ hoặc khi có quy định, yêu cầu mới về Khung năng lực số; tái đánh giá các đối tượng chưa đạt theo quy định. | Sở Khoa học và Công nghệ | Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Thành ủy, Văn phòng Thành ủy, các cơ quan, đơn vị liên quan | - Các lớp bồi dưỡng, tập huấn - Dashboard theo dõi thường xuyên; báo cáo định kỳ phục vụ chỉ đạo điều hành. |
| | | Cập nhật năng lực số vào hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức | Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Dữ liệu hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật nội dung về năng lực số. |

VII. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THÔNG TIN, BẢO MẬT DỮ LIỆU VÀ SỬ DỤNG AI CÓ TRÁCH NHIỆM

1. Không đưa tài liệu mật, tài liệu nội bộ chưa được phép công khai, dữ liệu cá nhân, dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật của Đảng, Nhà nước lên các nền tảng AI công cộng hoặc hệ thống không được cấp có thẩm quyền cho phép.
2. Khi sử dụng AI trong công vụ, Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức phải kiểm chứng thông tin bằng nguồn chính thống; không sao chép máy móc nội dung do AI tạo ra; không để AI thay thế trách nhiệm tham mưu, thẩm định, ký duyệt, quyết định.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa bàn chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và sử dụng AI có trách nhiệm; kịp thời phát hiện, xử lý, báo cáo sự cố, nguy cơ rủi ro theo quy định.

4. Các nội dung đào tạo, kiểm tra, đánh giá năng lực số phải có phần bắt buộc về an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, nhận diện thông tin giả mạo, rủi ro AI, phân quyền, quản lý tài khoản, chữ ký số và trách nhiệm cá nhân khi xử lý dữ liệu công vụ.

VIII. TỔ CHỨC CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH KHUNG NĂNG LỰC SỐ

1. Khung năng lực số được rà soát, cập nhật định kỳ hằng năm hoặc khi có thay đổi lớn về chủ trương, pháp luật, công nghệ, nền tảng số dùng chung, yêu cầu quản trị dữ liệu, an toàn thông tin, AI và mô hình tổ chức của hệ thống chính trị Thành phố.

2. Việc cập nhật Khung năng lực số phải kế thừa dữ liệu đánh giá thực tế, phản ánh nhu cầu của cơ quan, đơn vị, địa bàn, vị trí việc làm; bảo đảm không làm phát sinh thủ tục hình thức, không tăng gánh nặng hành chính, nhưng tạo công cụ quản trị năng lực cán bộ thực chất.

3. Các thuật ngữ tiếng Anh trong tài liệu triển khai phải ghi chú tiếng Việt bên cạnh để thống nhất nhận thức và thuận tiện sử dụng: AI (Trí tuệ nhân tạo); Prompt (Câu lệnh/Yêu cầu đầu vào cho AI); Dashboard (Bảng điều khiển dữ liệu trực quan); Cloud (Điện toán đám mây); Big Data (Dữ liệu lớn); IoT (Internet vạn vật); Workflow (Quy trình công việc số); Infographic (Đồ họa thông tin); Log (Nhật ký hệ thống); Macro (Lệnh tự động hóa); Digital Twin (Bản sao số); KPIs (chỉ số đo lường hiệu quả công việc) và các thuật ngữ chuyên ngành khác phát sinh trong quá trình triển khai sẽ được Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cụ thể.

